

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2020

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Vũ Văn Hoàn

2, Bà Phạm Thị Hồng Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 251/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/2/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ch, sinh năm 1983 (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Chu Văn G, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 20/11/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ch trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Văn G kết hôn 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN. Khoảng 10 năm đầu vợ chồng sống hòa thuận, thi thoảng có mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng. Tới năm 2016 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh G hay rượu chè, không chịu làm ăn, không có trách nhiệm, không quan tâm đến vợ con, do mâu thuẫn quá trầm trọng nên mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân nhau, không còn tình cảm gì với nhau từ 03 năm nay. Chị đã dọn ra ngoài ở trước khi chị nộp đơn khởi kiện xin ly hôn khoảng 01 tháng.

Chị xác định hiện nay hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục

đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Chu Khánh L, sinh ngày 05/8/2005, hiện đang sống cùng với mẹ và Chu Kỳ D, sinh ngày 01/11/2007, hiện con đang sống cùng với bố. Khi ly hôn chị có nguyện vọng mỗi người sẽ trực tiếp nuôi một con, chị nuôi cháu L, anh G nuôi cháu D và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn anh Chu Văn G trong quá trình giải quyết vụ án phù hợp với lời khai của chị Ch về việc kết hôn, thời điểm kết hôn của vợ chồng. Về tình trạng hôn nhân, anh xác định quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Những nội dung chị Ch trình bày chỉ đúng một phần. Tuy nhiên, anh thừa nhận khoảng hơn 2 năm nay vợ chồng đã ly thân nhau mặc dù ở chung một nhà. Nguyên nhân ly thân là do nhà chật, vợ chồng không có chỗ ngủ riêng. Việc chị Ch dọn ra ngoài ở trước khi gửi đơn xin ly hôn là có thật.

Anh xác định hiện nay hôn nhân chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị Ch, cảm thấy hôn nhân vẫn có thể kéo dài, do đó anh chưa đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Chu Khánh L, sinh ngày 05/8/2005, hiện đang sống cùng với mẹ và Chu Kỳ D, sinh ngày 01/11/2007, hiện đang sống cùng với bố. Trường hợp phải ly hôn, anh nhất trí mỗi người sẽ trực tiếp nuôi một con, chị Ch nuôi cháu L, anh nuôi cháu D và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày đề ngày 19/12/2019, cháu Chu Khánh L có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu Chu Kỳ D có nguyện vọng được ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Ch, cho chị Ch được ly hôn anh G.

Về con chung: Giao con Chu Khánh L cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Chu Kỳ D cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Ch phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, nguyên đơn và bị đơn thường trú tại xóm CP, xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn chị Ch có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Ch. Đối với bị đơn anh Chu Văn G, Tòa án đã hai lần tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, anh G vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Chu Văn G.

[2] Về nội dung:

Chị Trần Thị Ch và anh Chu Văn G kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn và bị đơn, có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, anh G và chị Ch đã chung sống hạnh phúc trong những năm đầu, đến khoảng 3 năm trở lại đây, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, biểu hiện của sự mâu thuẫn đó là vợ chồng tuy sống cùng một nhà nhưng đã ly thân nhau, không còn yêu thương, quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng không thành. Chị Ch cương quyết xin ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh G nữa. Anh G không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, việc anh cho rằng vợ chồng ly thân vì lý do nhà chật là không có sức thuyết phục, không có căn cứ chấp nhận. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Trong trường hợp này, chị Ch và anh G thực tế đã không còn thương yêu, quan tâm, chung sống với nhau nữa khiến cho mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân trong tình trạng như vậy không thể mang lại hạnh phúc cho vợ chồng. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ch đối với anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

+ Về con chung: Chị Ch và anh G có 02 con chung là Chu Khánh L, sinh ngày 05/8/2005, hiện đang sống cùng với mẹ và Chu Kỳ D, sinh ngày 01/11/2007, hiện đang sống cùng bố. Chị Ch có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng cháu L, anh G có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng cháu D. Xét thấy, nguyện vọng của chị Ch và anh G hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là cháu L muốn được ở với mẹ và cháu D muốn được ở với bố. Do vậy, cần giao cháu L cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị Ch và anh G đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận lại hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Ch phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ch đối với anh Chu Văn G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ch được ly hôn anh Chu Văn G.

2. Về con chung: Chị Ch và anh G có 02 con chung là Chu Khánh L, sinh ngày 05/8/2005 và Chu Kỳ D, sinh ngày 01/11/2007. Giao con Chu Khánh L cho

chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Chu Kỳ D cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Chị Ch và anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị Ch phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016501 ngày 21/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã ML;
- Lưu: HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Thị An